

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HS-ST

Ngày: 25 - 03 - 2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Chát.

2. Ông Vũ Xuân Dự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 03 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 03 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Hà T, sinh năm 2000 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: xóm A, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình N và bà Hà Thị H. Bị cáo có chồng là Đào Mạnh T1 và có hai con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1996 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: xóm I, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1 và bà Vũ Thị H1. Bị cáo có chồng là Trần Văn Đ và có hai con con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2024.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Trần Thị Ngọc Á, sinh năm 1999; nơi cư trú: Xóm B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1996; nơi cư trú: Xóm I, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Phạm Thị X, sinh năm 1982; nơi cư trú: Xóm B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Hà T là người không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay, cấp tín dụng. Để có thêm thu nhập, T đã cho chị Trần Thị Ngọc Á, sinh năm 1999, trú tại xóm B, xã K, huyện K vay tiền lãi suất cao để thu lợi bất chính. Khi vay, cả hai thống nhất bằng hình thức vay lãi góp ngày với mức lãi suất 10.000đồng/ 1 triệu/ 1 ngày (tương ứng 360%/ 1 năm). Chị Á phải trả một khoản tiền gồm gốc và lãi của khoản vay trong thời gian nhất định (gọi là đóng “bát họ”). Sau đó cả số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận sẽ được chia đều ra các ngày để chị Á trả theo thời gian hai bên thống nhất. Khi chị Á chưa trả hết được khoản vay cũ, nếu có nhu cầu vay tiếp thì T sẽ chuyển sang khoản vay mới. Đồng thời số tiền gốc và lãi chị Á chưa thanh toán sẽ được T trừ vào tiền gốc của khoản vay mới (gọi là đảo bát họ). T sử dụng tài khoản ngân hàng A số 8209999935999 và tài khoản ngân hàng B để chuyển tiền cho vay và nhận tiền trả khoản vay từ tài khoản ngân hàng M số 6877198691870 từ chị Á. Quá trình vay tiền ban đầu, cả hai liên lạc, thống nhất qua mạng xã hội Zalo, không yêu cầu viết giấy tờ vay tiền. Thời gian sau đó, một số khoản vay T yêu cầu chị Á viết giấy vay tiền kèm theo căn cước công dân của chị Á rồi chụp ảnh gửi qua ứng dụng Zalo đến tài khoản “H T” lắp trên điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR của T làm căn cứ cho vay. T không cầm các giấy tờ cho vay mà chị Á viết. Bằng thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian từ ngày 21/3/2024 đến ngày 28/5/2024, T đã 10 lần cho chị Á vay tiền. Cụ thể như sau:

- **Lần thứ nhất:** Ngày 21/3/2024, chị Á vay T số tiền 7.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày với số tiền lãi phải trả là 1.750.000 đồng. Theo thỏa thuận, tổng số tiền gốc và lãi chị Á phải trả là 8.750.000 đồng (tương ứng 350.000 đồng/ 1 ngày). Đến ngày 22/3/2024, T chuyển khoản cho chị Á số tiền 6.300.000 đồng (đã trừ đi 700.000 đồng chị Á phải trả cho 02 ngày vay). Ngày 30/3/2024 chị Á xin “đảo bát họ” thì được T đồng ý. Khoản vay này chị Á trả được 9 ngày vay tương ứng số tiền 3.150.000 đồng (gồm: 2.520.000 đồng tiền gốc và 630.000 đồng tiền lãi), nợ lại 16 ngày vay tương ứng số tiền 5.600.000 đồng (gồm: 4.480.000 đồng tiền gốc và 1.120.000 đồng tiền lãi).

Như vậy theo thỏa thuận, khoản vay này chị Á phải trả cho T số tiền gốc là 7.000.000 đồng và số tiền lãi là 1.750.000 đồng. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật T được hưởng là 95.890 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 1.654.110 đồng.

- **Lần thứ hai:** Ngày 30/3/2024, chị Á vay T số tiền 7.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày với số tiền lãi phải trả là 1.750.000 đồng. Theo thỏa thuận, tổng số tiền gốc và lãi chị Á phải trả là 8.750.000 đồng (tương ứng 350.000 đồng/ 1 ngày). Cùng ngày 30/3/2024, T chuyển khoản cho chị Á số tiền

1.050.000 đồng (đã trừ đi số tiền 5.600.000 đồng chị Á nợ tại khoản vay thứ nhất và số tiền 350.000 đồng chị Á phải trả cho 01 ngày vay). Đến ngày 03/4/2024 chị Á xin “đào bát họ” thì được T đồng ý. Khoản vay này chị Á trả được 3 ngày vay tương ứng số tiền 1.050.000 đồng (gồm: 840.000 đồng tiền gốc và 210.000 đồng tiền lãi), nợ lại 22 ngày vay tương ứng số tiền 7.700.000 đồng (gồm: 6.160.000 đồng tiền gốc và 1.540.000 đồng tiền lãi).

Như vậy theo thỏa thuận, khoản vay này chị Á phải trả cho T số tiền gốc là 7.000.000 đồng và số tiền lãi là 1.750.000 đồng. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật T được hưởng là 95.890 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 1.654.110 đồng.

- **Lần thứ ba:** Ngày 03/4/2024, chị Á tiếp tục vay T số tiền 10.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày với số tiền lãi phải trả là 2.500.000 đồng. Theo thỏa thuận, tổng số tiền gốc và lãi chị Á phải trả là 12.500.000 đồng (tương ứng 500.000 đồng/ 1 ngày). Cùng ngày 03/4/2024, T chuyển khoản cho chị Á số tiền 2.300.000 đồng (đã trừ đi số tiền 7.700.000 đồng chị Á nợ tại khoản vay thứ 2). Đến ngày 15/4/2024 chị Á xin “đào bát họ” thì được T đồng ý. Khoản vay này chị Á trả được 19 ngày vay tương ứng số tiền 9.500.000 đồng (gồm: 7.600.000 đồng tiền gốc và 1.900.000 đồng tiền lãi), nợ lại 6 ngày vay tương ứng số tiền 3.000.000 đồng (gồm: 2.400.000 đồng tiền gốc và 600.000 đồng tiền lãi).

Như vậy theo thỏa thuận, khoản vay này chị Á phải trả cho T số tiền gốc là 10.000.000 đồng và số tiền lãi là 2.500.000 đồng. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật T được hưởng là 136.986 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 2.363.014 đồng.

- **Lần thứ tư:** Ngày 15/4/2024, chị Á vay của T số tiền 10.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày với số tiền lãi phải trả là 2.500.000 đồng. Theo thỏa thuận, tổng số tiền gốc và lãi chị Á phải trả là 12.500.000 đồng (tương ứng 500.000 đồng/ 1 ngày). Cùng ngày 15/4/2024, T chuyển khoản cho chị Á số tiền 6.500.000 đồng (đã trừ đi số tiền 3.000.000 đồng chị Á nợ tại khoản vay thứ 3 và số tiền 500.000 đồng chị Á phải trả cho 01 ngày vay). Đến ngày 23/4/2024 chị Á xin “đào bát họ” thì được T đồng ý. Khoản vay này chị Á trả được 8 ngày vay tương ứng số tiền 4.000.000 đồng (gồm: 3.200.000 đồng tiền gốc và 800.000 đồng tiền lãi), nợ lại 17 ngày vay tương ứng số tiền 8.500.000 đồng (gồm: 6.800.000 đồng tiền gốc và 1.700.000 đồng tiền lãi).

Như vậy theo thỏa thuận, khoản vay này chị Á phải trả cho T số tiền gốc là 10.000.000 đồng và số tiền lãi là 2.500.000 đồng. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật T được hưởng là 136.986 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 2.363.014 đồng.

- **Lần thứ năm:** Ngày 23/4/2024, chị Á vay của T số tiền 15.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày với số tiền lãi phải trả là 3.750.000 đồng. Theo thỏa thuận, tổng số tiền gốc và lãi chị Á phải trả là 18.750.000 đồng (tương ứng 750.000 đồng/ 1 ngày). Cùng ngày 23/4/2024, T chuyển khoản cho chị Á số tiền 5.750.000 đồng (đã trừ đi số tiền 8.500.000 đồng chị Á nợ tại khoản vay thứ 4 và số tiền 750.000 đồng chị Á phải trả cho 01 ngày vay). Đến ngày 30/4/2024 chị Á xin “đào bát họ” thì được T đồng ý. Khoản vay này chị Á trả được 7 ngày vay tương ứng số tiền 5.250.000 đồng (gồm: 4.200.000 đồng tiền gốc và

1.050.000 đồng tiền lãi), nợ lại 18 ngày vay tương ứng số tiền 13.500.000 đồng (gồm: 10.800.000 đồng tiền gốc và 2.700.000 đồng tiền lãi).

Như vậy theo thỏa thuận, khoản vay này chị Á phải trả cho T số tiền gốc là 15.000.000 đồng và số tiền lãi là 3.750.000 đồng. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật T được hưởng là 205.479 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 3.544.521 đồng.

- **Lần thứ sáu:** Ngày 30/4/2024, chị Á vay của T số tiền 20.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày với số tiền lãi phải trả là 5.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, tổng số tiền gốc và lãi chị Á phải trả là 25.000.000 đồng (tương ứng 1.000.000 đồng/ 1 ngày). Đến ngày 01/5/2024, T chuyển khoản cho chị Á số tiền 5.500.000 đồng (đã trừ đi số tiền 13.500.000 đồng chị Á nợ tại khoản vay thứ 5 và số tiền 1.000.000 đồng chị Á phải trả cho 01 ngày vay). Đến ngày 01/5/2024 chị Á xin “đảo bát họ” thì được T đồng ý. Khoản vay này chị Á trả được 2 ngày vay tương ứng số tiền 2.000.000 đồng (gồm: 1.600.000 đồng tiền gốc và 400.000 đồng tiền lãi), nợ lại 23 ngày vay tương ứng số tiền 23.000.000 đồng (gồm: 18.400.000 đồng tiền gốc và 4.600.000 đồng tiền lãi).

Như vậy theo thỏa thuận, khoản vay này chị Á phải trả cho T số tiền gốc là 20.000.000 đồng và số tiền lãi là 5.000.000 đồng. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật T được hưởng là 273.972 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 4.726.028 đồng.

- **Lần thứ bảy:** Ngày 01/5/2024, chị Á vay của T số tiền 30.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày với số tiền lãi phải trả là 7.500.000 đồng. Theo thỏa thuận, tổng số tiền gốc và lãi chị Á phải trả là 37.500.000 đồng (tương ứng 1.500.000 đồng/ 1 ngày). Đến ngày 02/5/2024, T chuyển khoản cho chị Á số tiền 5.500.000 đồng (đã trừ đi số tiền 23.000.000 đồng chị Á nợ tại khoản vay thứ 6 và số tiền 1.500.000 đồng chị Á phải trả cho 01 ngày vay). Đến ngày 07/5/2024 chị Á xin “đảo bát họ” thì được T đồng ý. Khoản vay này chị Á trả được 6 ngày vay tương ứng số tiền 9.000.000 đồng (gồm: 7.200.000 đồng tiền gốc và 1.800.000 đồng tiền lãi), nợ lại 19 ngày vay tương ứng số tiền 28.500.000 đồng (gồm: 22.800.000 đồng tiền gốc và 5.700.000 đồng tiền lãi).

Như vậy theo thỏa thuận, khoản vay này chị Á phải trả cho T số tiền gốc là 30.000.000 đồng và số tiền lãi là 7.500.000 đồng. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật T được hưởng là 410.958 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 7.089.042 đồng.

- **Lần thứ tám:** Ngày 07/5/2024, chị Á vay của T số tiền 40.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày với số tiền lãi phải trả là 10.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, tổng số tiền gốc và lãi chị Á phải trả là 50.000.000 đồng (tương ứng 2.000.000 đồng/ 1 ngày). Cùng ngày 07/5/2024, T chuyển khoản cho chị Á số tiền 9.500.000 đồng (đã trừ đi số tiền 28.500.000 đồng chị Á nợ tại khoản vay thứ 7 và số tiền 2.000.000 đồng chị Á phải trả cho 01 ngày vay). Đến ngày 14/5/2024 chị Á xin “đảo bát họ” thì được T đồng ý. Khoản vay này chị Á trả được 8 ngày vay tương ứng số tiền 16.000.000 đồng (gồm: 12.800.000 đồng tiền gốc và 3.200.000 đồng tiền lãi), nợ lại 17 ngày vay tương ứng số tiền 34.000.000 đồng (gồm: 27.200.000 đồng tiền gốc và 6.800.000 đồng tiền lãi).

Như vậy theo thỏa thuận, khoản vay này chị Á phải trả cho T số tiền gốc là 40.000.000 đồng và số tiền lãi là 10.000.000 đồng. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật T được hưởng là 547.945 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 9.452.055 đồng.

- **Lần thứ chín:** Ngày 14/5/2024, chị Á tiếp tục vay của T số tiền 50.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày với số tiền lãi phải trả là 12.500.000 đồng. Theo thỏa thuận, tổng số tiền gốc và lãi chị Á phải trả là 62.500.000 đồng (tương ứng 2.500.000 đồng/ 1 ngày). Đến ngày 15/5/2024, T chuyển khoản cho chị Á số tiền 13.500.000 đồng (đã trừ đi số tiền 34.000.000 đồng chị Á nợ tại khoản vay thứ 8 và số tiền 2.500.000 đồng chị Á phải trả cho 01 ngày vay). Đến ngày 17/5/2024 chị Á xin “đào bát họ” thì được T đồng ý. Khoản vay này chị Á trả được 3 ngày vay tương ứng số tiền 7.500.000 đồng (gồm: 6.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi), nợ lại 22 ngày vay tương ứng số tiền 55.000.000 đồng (gồm: 44.000.000 đồng tiền gốc và 11.000.000 đồng tiền lãi).

Như vậy theo thỏa thuận, khoản vay này chị Á phải trả cho T số tiền gốc là 50.000.000 đồng và số tiền lãi là 12.500.000 đồng. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật T được hưởng là 684.931 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 11.815.069 đồng.

- **Lần thứ mười:** Ngày 17/5/2024, T cho chị Á vay số tiền 80.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày với tổng số tiền lãi phải trả là 20.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, tổng số tiền gốc và lãi chị Á phải trả là 100.000.000 đồng (tương ứng 4.000.000 đồng/ 1 ngày). Cùng ngày 17/5/2024, T 02 lần chuyển khoản cho chị Á tổng số tiền 17.000.000 đồng (đã trừ đi số tiền 55.000.000 đồng chị Á nợ tại khoản vay thứ 9 và số tiền 8.000.000 đồng chị Á phải trả cho 02 ngày vay). Đối với khoản vay này chị Á trả được 11,5 ngày vay tương ứng số tiền 46.000.000 đồng (gồm: 36.800.000 đồng tiền gốc và 9.200.000 đồng tiền lãi), nợ lại 13,5 ngày vay tương ứng số tiền 54.000.000 đồng (gồm: 43.200.000 đồng tiền gốc và 10.800.000 đồng tiền lãi). Đến ngày 28/5/2024 chị Á không còn khả năng trả nợ nên cả hai thống nhất chốt nợ là 60.000.000 đồng (gồm: 54.000.000 đồng tiền gốc và lãi của 13,5 ngày vay chị Á chưa thanh toán được và 6.000.000 đồng tiền lãi phát sinh do chị Á chậm trả tiền). Đồng thời số tiền 60.000.000 đồng này sẽ được T chuyển nợ cho Nguyễn Thị Yến L để chị Á thanh toán cho L. Việc vay nợ giữa T và Á chấm dứt.

Như vậy theo thỏa thuận, khoản vay này chị Á phải trả cho T số tiền gốc là 80.000.000 đồng và số tiền lãi là 26.000.000 đồng (gồm: 20.000.000 đồng tiền lãi thống nhất ban đầu và 6.000.000 đồng tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền). Số tiền lãi theo quy định của pháp luật T được hưởng là 1.095.890 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 24.904.110 đồng.

Trong khoảng thời gian từ ngày 21/3/2024 đến ngày 28/5/2024, Hoàng Hà T đã cho chị Trần Thị Ngọc Á 10 lần vay tiền với tổng số tiền là 269.000.000 đồng, số tiền lãi chị Á phải trả là 73.250.000 đồng. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật T được hưởng là 3.684.927 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 69.565.073 đồng.

*** Đối với hành vi cho vay lãi nặng của Nguyễn Thị Yến L:**

Ngày 28/5/2024, Hoàng Hà T nói cho bạn là Nguyễn Thị Yến L biết việc chị Trần Thị Ngọc Á nợ số tiền 60.000.000 đồng. Lúc này do T nợ tiền L từ trước nên cả hai thống nhất chuyển số tiền 60.000.000 đồng của chị Á vay sang thanh toán cho L. Sau đó L sử dụng điện thoại Iphone 15 ProMax, lắp sim số 0708668789 liên hệ qua mạng xã hội Zalo trao đổi với chị Á. Lúc này chị Á nhất trí sẽ thay T trả đủ số tiền 60.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày, mỗi ngày trả số tiền 2.000.000 đồng cho L. Từ ngày 06/6/2024 đến ngày 15/6/2024, chị Á chuyển tổng số tiền 13.800.000 đồng vào tài khoản ngân hàng V số 9708668789 do L quản lý mang thông tin của chị Phạm Thị Linh C, sinh năm 2000, trú tại xóm I, xã N, huyện K (là cháu họ của L). Đến ngày 15/6/2024, do không còn khả năng trả hết số tiền 46.200.000 đồng còn lại nên L và chị Á thống nhất sẽ tính lãi xuất với mức 700.000 đồng/ 1 ngày vay (tương ứng lãi xuất 545,45%/ năm) đối với số tiền trên, thời hạn vay tính từ ngày 15/6/2024 đến ngày chị Á trả được hết tiền nợ gốc. Từ ngày 15/6/2024 đến ngày 24/8/2024 chị Á đã chuyển cho L tổng số tiền lãi là 39.580.000 đồng. Do chị Á không còn khả năng thanh toán nên L thống nhất với chị Á đến ngày 27/8/2024 chị Á còn nợ lại L số tiền 60.000.000 đồng (gồm 46.200.000 đồng tiền gốc, 12.220.000 đồng tiền lãi còn thiếu đến ngày 27/8/2024 và 1.580.000 đồng tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền). Đồng thời L bảo chồng là anh Trần Văn Đ, sinh năm 1996, trú tại xóm I, xã N, huyện K xuống nhà chị Á để yêu cầu chị Á viết giấy nhận nợ số tiền 60.000.000 đồng và hẹn đến ngày 03/9/2024 phải thanh toán số tiền trên.

Ngày 30/8/2024, chị Trần Thị Ngọc Á đến Công an huyện K tố giác hành vi của Hoàng Hà T và Nguyễn Thị Yến L. Hồi 14 giờ ngày 30/8/2024, khi anh Đ đang nhận số tiền 60.000.000 đồng tại nhà chị Á thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện K lập biên bản.

Như vậy trong thời gian từ ngày 15/6/2024 đến ngày 27/8/2024 (74 ngày), Nguyễn Thị Yến L đã cho chị Á vay số tiền 46.200.000 đồng với mức lãi xuất 700.000 đồng/1 ngày vay (tương ứng 545,45%/năm). Số tiền lãi chị Á phải trả cho L theo thỏa thuận là 53.380.000 đồng (gồm: 51.800.000 đồng tiền lãi của 74 ngày vay và 1.580.000 đồng tiền lãi phát sinh do chị Á chậm trả tiền). Trong đó số tiền lãi theo pháp luật L được hưởng là 1.873.315 đồng; số tiền L thu lợi bất chính là 51.506.685 đồng.

Ngày 30/8/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã triệu tập Hoàng Hà T và Nguyễn Thị Yến L đến làm việc. Quá trình điều tra, cả hai đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

- **Vật chứng thu giữ:** Cơ quan điều tra đã thu giữ của anh Trần Văn Đ số tiền 60.000.000 đồng và 01 giấy nhận nợ lập ngày 27/8/2024. Đồng thời thu giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR lắp sim số 0347895776; thu giữ của L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max lắp sim số 0708668789.

Quá trình điều tra Hoàng Hà T và Nguyễn Thị Yến L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản Cáo trạng số 19/CT-VKS -KS ngày 28/02/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình truy tố các bị cáo Hoàng Hà T và Nguyễn Thị Yến

L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Hà T và Nguyễn Thị Yến L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự; các điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Hà T từ 130 triệu đồng đến 150 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Yến L từ 50 triệu đồng đến 70 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 463; 357; 468 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Hoàng Hà T phải trả lại cho chị Trần Thị Ngọc Á **53.356.854** đồng là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất nhà nước quy định và bị cáo thu lời bất chính.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Yến L trả lại cho chị Trần Thị Ngọc Á là **37.706.685** đồng là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất nhà nước quy định và bị cáo thu lời bất chính.

Về xử lý vật chứng và áp dụng các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng:

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR lắp sim số 0347895776 thu giữ của bị cáo T (tiêu hủy thẻ sim)

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max lắp sim số 0708668789 thu giữ của bị cáo L (tiêu hủy thẻ sim)

- Về áp dụng biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Hoàng Hà T phải nộp lại số tiền gốc là công cụ phạm tội để nộp Ngân sách Nhà nước bao gồm: 189.000.000 đồng (9 khoản vay đầu) và 36.800.000 đồng (Khoản vay số 10 Ánh đã trả cho T) = **225.800.000** đồng

Buộc bị cáo Hoàng Hà T phải nộp lại số tiền tiền lãi trong hạn là tiền thu lời bất chính để nộp Ngân sách Nhà nước là **3.093.146** đồng.

Tổng số tiền bị cáo Hoàng Hà T phải nộp lại ngân sách Nhà nước là: **228.893.146** đồng

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Yến L phải nộp lại số tiền gốc là công cụ phạm tội để nộp Ngân sách Nhà nước là **13.800.000** đồng (T2 nhận từ T đã được chị Á thanh toán cho bị cáo).

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Yến L phải nộp lại số tiền lãi trong hạn là tiền thu lời bất chính để nộp Ngân sách Nhà nước (đối với khoản tiền bị cáo cho Á vay) là **1.873.315** đồng.

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thị Yến L phải nộp lại Ngân sách Nhà nước là: **15.673.315** đồng

Buộc chị Trần Thị Ngọc Á phải nộp lại số tiền gốc là công cụ phạm tội để nộp Ngân sách Nhà nước (bị cáo vay của chị L tại khoản vay số 10) nhưng chưa trả là **29.400.000** đồng.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Hoàng Hà T và Nguyễn Thị Yến L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với biên bản sự việc lập hồi 14 giờ ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại xóm B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, đồng thời được chứng minh lịch sử các lần lần chuyển tiền lưu giữ trong điện thoại di động của các bị cáo đã được sao chụp, trích sao kê các lần chuyển tiền và có sự xác nhận của các bị cáo, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 21/3/2024 đến ngày 28/5/2024, Hoàng Hà T đã cho chị Trần Thị Ngọc Á vay 10 lần với tổng số tiền 269.000.000 đồng với mức lãi suất 10.000 đồng/triệu/ngày tương ứng 360%/năm, gấp 18 lần mức lãi suất vay tối đa 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 69.565.073 đồng. Và trong khoảng thời gian từ ngày 15/6/2024 đến ngày 27/8/2024, Nguyễn Thị Yến L đã cho chị Trần Thị Ngọc Á vay số tiền 46.200.000 đồng với mức lãi suất 700.000đồng/ngày tương ứng 545,45%/năm, gấp 27 lần mức lãi suất vay tối đa 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 51.506.685 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã phạm tội: “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý của nhà nước về việc cho vay trong giao dịch dân sự, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, Trong giai đoạn hiện nay loại tội phạm liên quan đến hoạt động tín dụng đen đang có nhiều diễn biến phức tạp và là nguyên nhân làm tăng gia các loại tội phạm khác. Nên cần xử lý nghiêm minh để kịp thời đấu tranh ngăn chặn đầy lùi các loại tội phạm này. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự biết được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích kiếm tiền và thu lời bất chính nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Do đó cần có hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T và L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên cả hai bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về nhân thân và vị trí, vai trò của các bị cáo:

Đây là vụ án có hai bị cáo tham gia nhưng không có sự bàn bạc thống nhất phân công vai trò trách nhiệm cho từng bị cáo, hành vi của các bị cáo mang tính chất độc lập với nhau nên khi xem xét, quyết định hình phạt cũng cần phân tích đánh giá tính chất vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo để cá thể hóa mức hình phạt cho phù hợp:

Giữ vai trò chính trong vụ án là bị cáo Hoàng Hà T, bị cáo thực hiện việc cho vay lãi nặng trong 10 lần vay khác nhau và kéo dài trong khoảng thời gian từ ngày 21 tháng 3 năm 2024 đến ngày 28 tháng 5 năm 2024. Bị cáo T thu lời bất chính số tiền 69.565.073 đồng, đó đó bị cáo có vai trò và tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội cao hơn rất nhiều so với bị cáo L. Do vậy cần áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc đối với bị cáo T như vậy mới có tác dụng, đấu tranh phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo L do cần thu hồi khoản tiền vay cho bị cáo T vay trước đó nên đã đồng ý việc nhận lại khoản vay từ chị Á trong thời gian từ ngày 06 tháng 06 năm 2024 cho đến ngày 15 tháng 6 năm 2024 chị Á không có khả năng trả số tiền nợ theo thỏa thuận, nên bị cáo L mới áp dụng mức lãi suất vay, hành vi của bị cáo L mang tính bột phát nhất thời phạm tội và có một lần duy nhất cho chị Á vay, thu lời bất chính số tiền ít hơn bị cáo T nên mức hình phạt áp dụng cho bị cáo L là thấp hơn bị cáo T như vậy cũng đủ sức răn đe.

[5] Về hình phạt: Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo có nhiều

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bản thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt và có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Do vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Hình phạt bổ sung: Do các bị cáo bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hoàng Hà T đã chiếm hưởng bất chính từ hoạt động cho vay đối với chị Trần Thị Ngọc Á là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án 10 lần cho vay với tổng số tiền là **53.356.854** đồng. Bị cáo Nguyễn Thị Yến L đã chiếm hưởng bất chính từ hoạt động cho vay đối với chị Trần Thị Ngọc Á là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án một lần với tổng số tiền là **37.706.685** đồng. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 463; 468 Bộ luật Dân sự bị cáo Hoàng Hà T và bị cáo Nguyễn Thị Yến L phải có trách nhiệm trả lại cho chị Trần Thị Ngọc Á số tiền trên.

[7] Về áp dụng các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả số tiền 60.000.000 đồng thu giữ cho chị Trần Thị Ngọc Á. Chị Á đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra là đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Những vật chứng còn lại của vụ án căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự xử lý như sau:

- Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR lắp sim số 0347895776 thu giữ của bị cáo T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max lắp sim số 0708668789 thu giữ của bị cáo L. Do các bị cáo liên lạc với nhau trong việc cho vay lãi nặng xác định đây là công cụ phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp Ngân sách nhà nước (tiêu hủy thẻ sim)

- Về áp dụng biện pháp tư pháp:

Số tiền 189.000.000 đồng (9 khoản vay đầu) và **36.800.000** đồng (Khoản vay lần thứ 10 Á đã trả cho T) = **225.800.000** đồng là số tiền gốc bị cáo T sử dụng cho chị Á vay và khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất 20% là **3.093.146** đồng. Tổng cộng **228.893.146** đồng là công cụ, phương tiện phạm tội và khoản tiền thu lời bất chính từ việc phạm tội nên cần buộc bị cáo T nộp lại Ngân sách Nhà nước.

Số tiền **13.800.000** đồng (Tiền L1 nhận từ T đã được chị Á thanh toán cho bị cáo L1) tiền gốc và khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất 20% là **1.873.315** đồng. Tổng cộng là **15.673.315** đồng là công cụ, phương tiện phạm tội và khoản tiền thu lời bất chính từ việc phạm tội nên cần buộc bị cáo L1 nộp lại Ngân sách Nhà nước.

Số tiền **29.400.000** đồng là khoản tiền gốc Ánh vay của bị cáo T tại khoản vay số 10 nhưng chưa trả cho L1 là công cụ phạm tội nay buộc chị Trần Thị Ngọc Á phải nộp lại số tiền trên để nộp Ngân sách Nhà nước.

Quá trình điều tra xác định ngày 31/8/2024 anh Trần Văn Đ là người xuống gặp chị Trần Thị Ngọc Á yêu cầu viết giấy xác nhận nợ ngày 27/8/2024 và nhận số tiền 60.000.000 đồng từ Ánh theo yêu cầu của bị cáo L1. Tuy nhiên

anh Đ chỉ biết chị Á đang nợ bị cáo L1 số tiền 60.000.000 đồng, không biết cụ thể việc bị cáo L1 thỏa thuận, cho vay với lãi suất cao để thu lợi bất chính từ chị Á. Do đó hành vi của anh Đ không đồng phạm với bị cáo Nguyễn Thị Yến L.

Đối với chị Phạm Thị Linh C mở hộ tài khoản ngân hàng V số 9708668789 cho L sử dụng. Tuy nhiên chị C không biết việc L sử dụng tài khoản này để cho vay lãi nặng nên chị C không vi phạm pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo là những người bị kết án nên mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

[9] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; các điểm a, b, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 106; Điều 331, 333; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 463, 468, 357 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Hà T và Nguyễn Thị Yến L phạm tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*"

- Xử phạt bị cáo Hoàng Hà T 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*) để nộp ngân sách nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Yến L 65.000.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu đồng*) để nộp ngân sách nhà nước.

2. Về Trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Hoàng Hà T trả lại cho chị Trần Thị Ngọc Á số tiền là **53.356.854** đồng (*Năm mươi ba triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng*)

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Yến L trả lại cho chị Trần Thị Ngọc Á là **37.706.685** đồng. (*Ba mươi bảy triệu bảy trăm linh sáu nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng và áp dụng các biện pháp tư pháp.

3.1. Xử lý vật chứng:

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR lắp sim số 0347895776 thu giữ của bị cáo T (tiêu hủy thẻ sim). Điện thoại bỏ trong phong bì niêm phong.

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max lắp sim số 0708668789 thu giữ của bị cáo L (tiêu hủy thẻ sim). Điện thoại bỏ trong phong bì niêm phong.

(Chi tiết vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận đồ vật tài liệu, vật chứng ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa Công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình).

3.2. Về áp dụng biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Hoàng Hà T phải nộp lại số tiền **228.893.146** đồng (*Hai trăm hai mươi tám triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn một trăm bốn mươi sáu đồng*) để nộp Ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Yên L phải nộp lại số tiền **15.673.315** đồng (*Mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm mười lăm đồng*) để nộp Ngân sách nhà nước.

Buộc chị Trần Thị Ngọc Á phải nộp lại số tiền **29.400.000** đồng (*Hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng*) để nộp Ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Hoàng Hà T và Nguyễn Thị Yên L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản
- VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- VKSND huyện K: 02 bản.
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- Chi cục THA dân sự huyện K: 01 bản
- Bị cáo: 02 bản
- Người có QLNVLQ đến vụ án: 2 bản.
- Lưu hồ sơ: 01 bản.
- Lưu VP: 02 bản.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh

